

Bản án số: **151/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/7/2026

V/v TC Ly hôn, nuôi con chung
và Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Lê Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2026 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung và Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng T**, sinh ngày 20/7/1981 (vắng mặt)

CCCD số: 03418102XXXX

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

CCCD số: 09407701XXXX

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**, địa chỉ: Số 169, Phố L, phường H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị H, chức vụ Tổng Giám đốc, đã ủy quyền cho ông **Nguyễn Chí C**, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH Kế Sách, địa chỉ: ấp A, xã K, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng H quen nhau và tổ chức đám cưới ngày 02/12/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ). Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/3/2006 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/3/2009. Đến khoảng năm 2015, bà và ông H bất đồng ý kiến với nhau, trong cuộc sống vợ chồng không thể sống chung được nữa vì bà biết ông H hiện nay đang sống với một người đàn bà khác, thường xuyên bỏ bê gia đình, vợ con. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, ông H có hứa từ bỏ nhưng không thực hiện và đã nhiều lần về có những lời lẽ và hành động ức hiếp bà. Nay Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng H.

- Về con chung: Bà và ông H sống chung được 02 người con là: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/3/2006 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/3/2009. Bà đồng ý nuôi 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con ăn học thành đạt theo quy định của pháp luật vì ông có cơ sở làm ăn ổn định, bà thì thu nhập thấp không có khả năng nuôi con ăn học.

- Về tài sản chung: Có một cơ sở Tiệm sắt cấp 4, ngang khoảng 6m, dài khoảng 8m trị giá 100.000.000 đồng. Yêu cầu chia đôi mỗi người 50.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C (PGD K) 50.000.000 đồng, vay ngày 16/5/2025 do ông Nguyễn Hồng H đứng tên, ủy quyền lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng này để đóng học phí cho con; Nợ một dây hui mùa 32.000.000 đồng (do chồng bà là ông H hót), chủ hui là bà Nguyễn Thị H ngụ tại ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Số người tham gia là 14 người, bà đã hót lần 08 số tiền hui chết là 56.000.000 đồng, số tiền sống là 24.000.000 đồng. Tổng cộng là 80.000.000 đồng. Đã hót ngày 24/12/2024, còn đóng lại 04 mùa hui chết, 04 lần x 8.000.000 đồng = 32.000.000 đồng; Nợ chị chồng tên Nguyễn Thị T nửa chân hui mùa 40.000.000 đồng để làm tiệm sắt tại xã B; Mượn của em chồng tên Nguyễn Thị Thu H số tiền 6.000.000 đồng để đóng tiền học phí cho con gái lớn đi học đại học; Tháng 6/2025 mượn của ông Nguyễn Văn H địa chỉ ở ấp C, xã K để cho ông H chuộc xe Future với số tiền 22.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm chục triệu đồng). Bà yêu cầu chia đôi nợ chung để bà và ông Nguyễn Hồng H cùng trả.

Quá trình giải quyết, Bà T không còn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng H: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông H không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí C trình bày: Vào ngày 16/5/2025 Ngân hàng phê duyệt giải ngân cho hộ bà Phạm Thị Hồng T, địa chỉ: ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất: 9%/năm, thời hạn cho vay: 60 tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 16/5/2030, của

Chương trình cho vay: Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, mục đích sử dụng vốn vay: Xây mới công trình nước sạch và vệ sinh. Tổng cộng hộ bà Phạm Thị Hồng T đã vay vốn với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà Phạm Thị Hồng T đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nhưng hiện nay hộ bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Hồng H đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Theo đơn yêu cầu độc lập, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc hộ bà Phạm Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng H là chồng hoàn trả số tiền 50.230.137 đồng (trong đó vốn gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 05/6/2026 là: 230.137 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C có đơn rút yêu cầu độc lập.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã rút. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hồng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí Cường đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Nguyên đơn Bà T rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung theo yêu cầu khởi kiện ban đầu; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí Cường đã tự nguyện rút đơn yêu cầu độc lập về việc: Buộc hộ bà Phạm Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng H hoàn trả số tiền 50.230.137 đồng (trong đó vốn gốc là

50.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 05/6/2026 là: 230.137 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, Bà T và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Ông H không tham gia tổ tụng nên chưa có thiện chí hàn gắn. Nay Bà T đã kiên quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/3/2006 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/3/2009. Bà T yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con ăn học thành đạt theo quy định của pháp luật vì ông có cơ sở làm ăn ổn định, bà thì thu nhập thấp không có khả năng nuôi con ăn học. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các con chung tên Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Hoàng N đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Phạm Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng H.

1.2. Về con chung: Các con chung tên: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 21/3/2006 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/3/2009 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T về việc:

Chia đôi tài sản chung gồm: Một cơ sở Tiệm sắt cấp 4, ngang khoảng 6m, dài khoảng 8m trị giá 100.000.000 đồng. Yêu cầu chia đôi mỗi người 50.000.000 đồng.

Chia đôi nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng C (PGD K) 50.000.000 đồng, vay ngày 16/5/2025 do ông Nguyễn Hồng H đứng tên, ủy quyền lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng này để đóng học phí cho con; Nợ một dây hui mùa 32.000.000 đồng (do chồng bà là ông H hót), chủ hui là bà Nguyễn Thị H ngụ tại ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Số người tham gia là 14 người, bà đã hót lần 08 số tiền hui chết là 56.000.000 đồng, số tiền sống là 24.000.000 đồng. Tổng cộng là 80.000.000 đồng. Đã hót ngày 24/12/2024, còn đóng lại 04 mùa hui chết, 04 lần x 8.000.000 đồng = 32.000.000 đồng; Nợ chị chồng tên Nguyễn Thị T nửa chân hui mùa 40.000.000 đồng để làm tiệm sắt tại xã B; Mượn của em chồng tên Nguyễn Thị Thu H số tiền 6.000.000 đồng để đóng tiền học phí cho con gái lớn đi học đại học; Tháng 6/2025 mượn của ông Nguyễn Văn H địa chỉ ở ấp C, xã K để cho ông H chuộc xe Future với số tiền 22.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm chục triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C về việc: Buộc hộ bà Phạm Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng H hoàn trả số tiền 50.230.137 đồng (trong đó vốn gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 05/6/2026 là: 230.137 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, Phạm Thị Hồng T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010217 ngày 22/5/2026 do Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu. Sau khi khấu trừ, Bà T được nhận lại 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án nêu trên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 10 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 10 - Cần Thơ);
- UBND xã Đ, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh Đa